TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 31/7/2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến

Ông Lê Cát Tưởng

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tố Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐXX - ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1985

ĐKNKTT tại: SN C M, phường T, thành phố T.

Nơi ở hiện nay: SN C đường H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Nguyên D - Sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: SN C M, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H và anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh D kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 10 năm, thì đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cách sống đều luôn trái ngược nhau trong công việc và gia đình và không có tiếng nói chung, nên thường xảy ra to tiếng xúc phạm nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm và ly thân nhau từ tháng 7/2023 đên nay không ai quan tâm và có trách nhiệm đến nhau. Chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Nguyên D.

Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là cháu Lê Nguyên T sinh ngày 03/8/2008 và cháu Lê Thị Tường V sinh ngày 10/3/2014. Ly hôn nguyện vọng của chị xin nuôi cháu Lê Thị Tường V, còn anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nguyên T và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai của bị đơn anh Lê Nguyên D trình bày:***

Anh và Nguyễn Thị H kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T. Quá trình chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra va chạm và bất đồng quan điểm sống. Nay vợ anh là chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện ly hôn, anh không đồng ý và đề nghị Tòa án khuyên giải để vợ chồng anh trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Còn nếu chị H cương quyết ly hôn, thì anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Nguyên T sinh ngày 03/8/2008 và cháu Lê Thị Tường V sinh ngày 10/3/2014. Ly hôn nguyện vọng của anh xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Còn nếu chị H xin nuôi cháu Lê Thị Tường V, anh cũng không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Dũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành

pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Nguyên D. Về con cái: Công nhận cháu Lê Nguyên T sinh ngày 03/8/2008 và cháu Lê Thị Tường V sinh ngày 10/3/2014 là con chung của chị H và anh D. Giao cháu Lê Thị Tường V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Nguyên T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là anh Lê Nguyên D. Do đó đây là vụ án ly hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2]***Về hôn nhân***: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Nguyên D kết hôn với nhau năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm cách sống của hai người không hợp, không có tiếng nói chung và vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm và ly thân nhau từ tháng 7/2022 đến nay. Nay cả hai bên đều xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng có níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc, nên chị H và anh D đều thống nhất thuận tình ly hôn, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của các bên là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] ***Về con chung*:** Chị H và anh D thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Nguyên T sinh ngày 03/8/2008 và cháu Lê Thị Tường V sinh ngày 10/3/2014. Ly hôn chị H xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tường V, còn anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Anh Dũng có nguyện vọng xin nuôi cả hai cháu.

Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái. Xét việc giao con cho ai nuôi là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu, hơn nữa nguyện vọng của cháu T xin được ở với anh D, nguyện vọng của cháu Tường V xin được ở với chị H. Việc anh D xin nuôi cả hai cháu thì không phù hợp

với nguyện vọng của chị H và cháu V, vì cháu V là con gái và đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, còn cháu T là con trai cần sự giáo dục của anh D, nên chấp nhận yêu cầu của chị H là giao cháu Tường V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, khả năng chăm sóc của hai bên và chị H và anh D đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83 của Luật HNGĐ cần được chấp nhận.

[4] ***Về tài sản và công nợ chung**:* Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] ***Về án phí**:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35;, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55; Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Nguyên D.

Về con chung: Công nhận cháu Lê Nguyên T sinh ngày 03/8/2008 và cháu Lê Thị Tường V sinh ngày 10/3/2014 là con chung của chị Nguyễn Thị H và anh Lê Nguyên D.

Giao cháu Lê Thị Tường V cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Nguyên T cho chị Lê Nguyên D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản và công nợ chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003039 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị H đã nộp đủ án phí DSST).

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7B và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- UBND phường Trường Thi, TPTH
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Anh